

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số thành phố Hà Nội năm 2026

Thực hiện Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số, Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026; trên cơ sở Chiến lược Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026), Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Hà Nội năm 2026, với các nội dung như sau:

I. KHUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Ba trụ cột chuyển đổi

1.1. Chính quyền số

Tập trung chuyển đổi phương thức điều hành và cung cấp dịch vụ công:

- Số hóa, tái cấu trúc quy trình công vụ.
- Điều hành, chỉ đạo trên nền tảng số, bảo đảm liên thông giữa các cơ quan nhà nước Thành phố.
- Ra quyết định dựa trên dữ liệu.
- Dịch vụ công/tiện ích công toàn trình và theo hành trình người dùng.
- Minh bạch/giám sát/giải trình trên môi trường số.

1.2. Kinh tế số

Tập trung nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Thủ đô:

- Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo chuỗi giá trị, ưu tiên doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).
- Thúc đẩy thương mại số, logistics số, thanh toán số, kinh tế nền tảng.
- Số hóa các ngành, lĩnh vực kinh tế.
- Phát triển công nghiệp công nghệ số.
- Mở dữ liệu công có kiểm soát để tạo dịch vụ mới.

1.3. Xã hội số (công dân - tổ chức số, dịch vụ xã hội số, tương tác số)

Tập trung nâng cao chất lượng sống và tăng tham gia xã hội:

- Phát triển công dân số.
- Ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội.
- Kênh tương tác thống nhất giữa chính quyền với người dân và giữa người dân với nhau.
- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, tham vấn cộng đồng; giám sát xã hội số.
- Phổ cập kỹ năng số cộng đồng, đặc biệt nhóm yếu thế; thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực và nhóm dân cư.

2. Lõi trung tâm

Các nền tảng dùng chung phục vụ cả ba trụ cột, bao gồm:

- Hệ thống định danh và xác thực điện tử.
- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.
- Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.
- Hệ thống thanh toán số dùng chung.

3. Năm nền tảng năng lực

3.1. Năng lực dữ liệu

- Danh mục dữ liệu dùng chung; chuẩn dữ liệu; chất lượng dữ liệu.
- Quản trị vòng đời dữ liệu; phân loại dữ liệu; chia sẻ dữ liệu có kiểm soát.
- Phân tích dữ liệu; đo lường tác động.

3.2. Năng lực nền tảng và kiến trúc số

- Phát triển các nền tảng số dùng chung; API-first.
- Bảo đảm tính tích hợp, kết nối và tránh trùng lặp đầu tư.

3.3. Năng lực tổ chức và quản trị số

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu.
- Năng lực quản lý dự án và quản trị thay đổi.

3.4. Năng lực môi trường và hệ sinh thái

- Cơ chế hợp tác công - tư; thử nghiệm có kiểm soát; mua sắm theo kết quả.
- Liên kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp.
- Cơ chế thu hút và sử dụng chuyên gia công nghệ số.
- Hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số phục vụ Thành phố.

3.5. Năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Giám sát, cảnh báo và ứng cứu sự cố.
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn người dùng.
- Nhận thức về an toàn thông tin.

4. Ba cơ chế bảo đảm

4.1. Cơ chế điều phối và phân công

- Phân công rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị.
- Đầu mối điều phối thống nhất.
- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

4.2. Cơ chế tài chính

- Ưu tiên đầu tư cho hạ tầng và nền tảng dùng chung.
- Huy động nguồn lực xã hội phù hợp với quy định pháp luật.

4.3. Cơ chế theo dõi, đánh giá

- Chỉ số chuyển đổi số.
- Báo cáo, giám sát theo thời gian thực.
- Đánh giá tác động về hiệu quả quản trị, tăng trưởng kinh tế, năng suất và chất lượng phục vụ.

II. NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Các hoạt động chuyển đổi số của Thành phố phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Lấy chuyển đổi làm trọng tâm, công nghệ là công cụ, dùng chung là nguyên tắc bắt buộc

- Chuyển đổi số phải bảo đảm tỷ trọng 70% là chuyển đổi, 30% là công nghệ.
- Ưu tiên xây dựng hạ tầng dùng chung, nền tảng dữ liệu dùng chung, cơ chế điều phối tập trung và hệ thống theo dõi xuyên suốt; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp. Trong đó, API-first là bắt buộc đối với mọi ứng dụng, hệ thống.

2. Chuyển đổi toàn diện hệ sinh thái

Chuyển đổi số không chỉ diễn ra trong nội bộ cơ quan nhà nước mà phải bao trùm vận hành đô thị, phát triển kinh tế và đời sống xã hội; bảo đảm sự liên thông giữa chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

3. Bảo đảm bao trùm số, thu hẹp khoảng cách số

Mọi chính sách và giải pháp chuyển đổi số phải hướng tới việc tạo điều kiện cho mọi người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ số; chú trọng các nhóm yếu thế và khu vực còn hạn chế về điều kiện tiếp cận số.

3.5. Năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Giám sát, cảnh báo và ứng cứu sự cố.
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn người dùng.
- Nhận thức về an toàn thông tin.

4. Ba cơ chế bảo đảm

4.1. Cơ chế điều phối và phân công

- Phân công rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị.
- Đầu mối điều phối thống nhất.
- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

4.2. Cơ chế tài chính

- Ưu tiên đầu tư cho hạ tầng và nền tảng dùng chung.
- Huy động nguồn lực xã hội phù hợp với quy định pháp luật.

4.3. Cơ chế theo dõi, đánh giá

- Chỉ số chuyển đổi số.
- Báo cáo, giám sát theo thời gian thực.
- Đánh giá tác động về hiệu quả quản trị, tăng trưởng kinh tế, năng suất và chất lượng phục vụ.

II. NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Các hoạt động chuyển đổi số của Thành phố phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Lấy chuyển đổi làm trọng tâm, công nghệ là công cụ, dùng chung là nguyên tắc bắt buộc

- Chuyển đổi số phải bảo đảm tỷ trọng 70% là chuyển đổi, 30% là công nghệ.
- Ưu tiên xây dựng hạ tầng dùng chung, nền tảng dữ liệu dùng chung, cơ chế điều phối tập trung và hệ thống theo dõi xuyên suốt; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp. Trong đó, API-first là bắt buộc đối với mọi ứng dụng, hệ thống.

2. Chuyển đổi toàn diện hệ sinh thái

Chuyển đổi số không chỉ diễn ra trong nội bộ cơ quan nhà nước mà phải bao trùm vận hành đô thị, phát triển kinh tế và đời sống xã hội; bảo đảm sự liên thông giữa chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

3. Bảo đảm bao trùm số, thu hẹp khoảng cách số

Mọi chính sách và giải pháp chuyển đổi số phải hướng tới việc tạo điều kiện cho mọi người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ số; chú trọng các nhóm yếu thế và khu vực còn hạn chế về điều kiện tiếp cận số.

4. Thực thi bằng áp lực số

- Các giải pháp chuyên đổi số phải thực thi triệt để, mang lại kết quả cuối cùng, tạo áp lực để buộc phải chuyên đổi toàn diện.

- Các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu, nền tảng số, công cụ số đều phải ban hành quy chế quản lý, vận hành khi triển khai.

- Quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị cần có nội dung yêu cầu bắt buộc áp dụng các công cụ số, không gian làm việc số, bộ chỉ số KPI đo lường và các công cụ AI trong xử lý văn bản, báo cáo.

5. Gắn với an toàn, trách nhiệm và giải trình

Phát triển dịch vụ số phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường cơ chế minh bạch và giải trình trên môi trường số. Kết quả thực hiện Kế hoạch này là căn cứ đánh giá, xếp loại người đứng đầu.

6. Đo lường được, quản trị được và tạo giá trị gia tăng

Chuyên đổi số phải được thiết kế để đo lường được tác động, phải hạch toán được kinh tế, phải theo dõi và đánh giá thường xuyên; gắn với nâng cao hiệu quả quản trị, tăng năng suất, tạo giá trị gia tăng và đóng góp trực tiếp cho mục tiêu tăng trưởng của Thủ đô.

III. MỤC TIÊU ĐẾN HẾT NĂM 2026

1. Chính quyền số

1.1. Lãnh đạo và điều hành

- **100%** cơ quan nhà nước Thành phố ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành) - tính từ 01/10/2026.

- Giảm ít nhất **50%** văn bản lấy ý kiến giữa các cơ quan nhà nước Thành phố, tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.

- **100%** các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên **một** hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của Thành phố.

- **60%** cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp trong các cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội.

- **100%** Cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước Thành phố thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

1.2. Hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu dùng chung, nhân lực số

- **100%** hệ thống/ứng dụng mới hoặc nâng cấp của Thành phố phải “API-first” và kết nối LGSP. **Không** phát sinh hệ thống/ứng dụng riêng lẻ ngoài kiến trúc số thống nhất của Thành phố. Tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.

- **100%** TTHC nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.

- **100%** hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

1.3. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt tối thiểu **95%**.

- Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố xếp hạng **từ thứ 10** trở lên.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt \geq **98%**.

- Phần đầu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung $<$ **5%**.

- \geq **50%** TTHC phát sinh nhiều hồ sơ được tổ chức lại theo nhóm sự kiện (khai sinh, nhập học, việc làm, an sinh, tuổi già...). \geq **60%** hồ sơ thuộc các nhóm này được hệ thống tự động gợi ý dịch vụ liên quan. \geq **80%** doanh nghiệp mới thành lập được hệ thống tự động cung cấp “gói thủ tục khởi sự”, khuyến cáo nghĩa vụ pháp lý cơ bản trong 12 tháng đầu. \geq **50%** doanh nghiệp đang hoạt động nhận được gợi ý chính sách hỗ trợ phù hợp.

2. Kinh tế số

2.1. Tỷ trọng

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu **22%**.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu **15%**.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên **17%**; duy trì vị trí **dẫn đầu** cả nước về xếp hạng Chỉ số Thương mại điện tử (EBI) hằng năm.

- Tỷ trọng kinh tế dữ liệu chiếm tối thiểu **5%** kinh tế số.

2.2. Doanh nghiệp số và chuyển đổi số doanh nghiệp

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt $>$ **85%**.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt > **60%**.
- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phần đầu đạt trên **60%**.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên **3%**.
- **100%** văn bản của doanh nghiệp được chuyển nhận trên hệ thống chuyển nhận văn bản điện tử tích hợp trên iHanoi.

2.3. Thanh toán số

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu **75%**.
- **100%** siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu **85%** chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.

2.4. Số hóa ngành và dữ liệu phục vụ kinh tế

Chia sẻ có kiểm soát tối thiểu **20** bộ dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp; hình thành tối thiểu **5** sản phẩm/dịch vụ mới khai thác dữ liệu của Thành phố.

2.5. Năng suất và năng lực cạnh tranh

- Năng suất lao động khu vực doanh nghiệp tăng tối thiểu **7-8%/năm**.
- Tối thiểu **60%** doanh nghiệp logistics, thương mại đầu mối ứng dụng nền tảng số trong điều phối và quản lý chuỗi cung ứng.

3. Xã hội số

3.1. Định danh số, chữ ký số và năng lực giao dịch số

- Tỷ lệ công dân được định danh điện tử (VNeID) đạt \geq **95%**; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt **90%**. Tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cấp tài khoản định danh điện tử đạt \geq **90%**.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt **95%**.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên **95%**.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân đạt \geq **60%**.
- Tối thiểu **50%** dịch vụ số khác được xác thực bằng VNeID (ngoài thủ tục hành chính đã yêu cầu bắt buộc) và tích hợp iHanoi.

3.2. Mức độ sử dụng dịch vụ số, tương tác số và tham gia xã hội số

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu **80%**; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt **100%**.

- Tối thiểu **90%** giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến/khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 45\%$.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số đạt $\geq 90\%$.

- $\geq 75\%$ giao dịch dịch vụ dân sinh thiết yếu (điện, nước, học phí, viện phí, giao thông công cộng...) được thực hiện trên môi trường số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản iHanoi đạt $\geq 85\%$.

- Tỷ lệ người dùng iHanoi hoạt động hằng tháng đạt $\geq 60\%$ (tính tại thời điểm tháng 11, 12/2026).

- 100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi được xử lý đúng hạn và công bố công khai trên iHanoi.

- 100% các thôn, tổ dân phố hình thành cộng đồng số trên iHanoi.

- $\geq 70\%$ thông báo chính thức của Thành phố đề phổ biến đến người dân được thực hiện qua iHanoi.

3.3. Năng lực số, thu hẹp khoảng cách số và an toàn số

- Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt $\geq 70\%$.

- Tối thiểu 50% tổ dân phố/khu dân cư triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

- Tổ chức tối thiểu 01 chiến dịch truyền thông quy mô Thành phố/năm về an toàn số và trách nhiệm số; tối thiểu 90% người dân được tiếp cận thông tin tuyên truyền về dịch vụ số và kỹ năng số.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 tại Phần này được xác định theo các nguyên tắc sau:

- Kế hoạch này không liệt kê lại các nhiệm vụ, giải pháp, dự án/đề án trọng điểm về chuyển đổi số trong các Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026 và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố về việc thực hiện Kế hoạch số 20-KH/BCĐ57 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy.

- Các nhiệm vụ, giải pháp, dự án/đề án đó tiếp tục được thực hiện theo văn bản đã ban hành và liên kết với Kế hoạch này thành một hệ thống nhiệm vụ toàn diện về chuyển đổi số năm 2026 để theo dõi trên môi trường số.

- Các nhiệm vụ, giải pháp tại Phần này là nội dung trọng tâm phục vụ các mục tiêu tại Phần III. Các cơ quan, đơn vị được giao theo dõi mục tiêu có trách nhiệm chủ động xây dựng, bổ sung và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể khác để hoàn thành mục tiêu được giao, đồng thời kịp thời cập nhật, triển khai các chỉ đạo phát sinh của Trung ương và Thành phố trong năm.

1. Nhiệm vụ, giải pháp nền tảng

1.1. Ban hành Khung kiến trúc số, Khung kiến trúc dữ liệu của Thành phố theo nguyên tắc API-first, dữ liệu dùng chung, nền tảng dùng chung và bảo mật theo thiết kế; phù hợp với đặc thù đô thị đặc biệt của Thủ đô

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.

c) Thời hạn: Tháng 5/2026.

d) Yêu cầu:

- Xác định rõ mô hình kiến trúc nhiều lớp (Front-end - Middleware - Back-end), trong đó:

+ iHanoi là nền tảng số tích hợp, thống nhất phục vụ người dân, doanh nghiệp và điều hành đô thị của Thành phố (Front-end).

+ Các hệ thống chuyên ngành vận hành ở lớp Back-end, bảo đảm tích hợp qua iHanoi, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp và API thống nhất của Thành phố trong phương án đề xuất phê duyệt.

- Bảo đảm không phát sinh hệ thống độc lập ngoài kiến trúc chung.

1.2. Rà soát, cập nhật các danh mục dữ liệu của Thành phố trước đây, bảo đảm phù hợp với bối cảnh hiện nay (như danh mục dữ liệu mở, danh mục dữ liệu dùng chung của Thành phố)

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan.
- c) Thời hạn: Năm 2026.

1.3. Công bố Bộ Quy tắc AI của Thành phố

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.
- c) Thời hạn: Tháng 6/2026.

1.4. Mời các chuyên gia tư vấn chuyển đổi số của quốc tế (trong các tổ chức quốc tế về chuyển đổi số; doanh nghiệp công nghệ toàn cầu...), tham vấn thường xuyên cho Thủ đô

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.
- c) Thời hạn: Năm 2026.

1.5. Xây dựng Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp xã

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.
- c) Thời hạn: Quý IV/2026.

1.6. Xây dựng Chính quyền số Thành phố theo mô hình “Government as a Platform” - chính quyền cung cấp nền tảng dùng chung, các cơ quan phát triển dịch vụ trên nền tảng thống nhất của Thành phố.

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.
- c) Thời hạn: Năm 2026 (báo cáo mức độ hoàn thiện của mô hình vào tháng 12/2026).

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

2.1. Lãnh đạo và điều hành

2.1.1. Xây dựng Trung tâm Dashboard điều hành Thành phố (tích hợp và đặt tại Trung tâm Dữ liệu của Thành phố)

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.
- c) Thời hạn: Quý IV/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Tối thiểu cho 10 nhóm dữ liệu cho hoạt động điều hành thường xuyên.
- Gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của dự án Bản sao số (Digital Twin).
- Mỗi thông tin trên Dashboard phải trả lời một câu hỏi vận hành cụ thể. Phải thống kê được bao nhiêu quyết định điều hành dựa trên Dashboard.

2.1.2. Tổ chức rà soát và cắt giảm Hội nghị, tăng tỷ lệ Hội nghị số

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và xã, phường.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Phân loại, công bố được các nội dung bắt buộc phải họp, các cuộc họp được cắt giảm, nội dung bắt buộc họp trực tiếp, nội dung bắt buộc họp trực tuyến và loại tùy chọn; thời lượng tối đa của từng loại cuộc họp, ưu tiên thời lượng ≤ 60 phút.

- Lãnh đạo chủ trì cuộc họp chịu trách nhiệm về việc tổ chức họp theo đúng phân loại đã được công bố.

2.1.3. Tổ chức rà soát và cắt giảm văn bản trên môi trường số

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Phân loại, công bố được các nội dung bắt buộc phải phát hành văn bản, các văn bản được cắt giảm (chuyển sang trao đổi bằng thông điệp dữ liệu trực tiếp trên Không gian làm việc số) và loại tùy chọn.

- Người ký văn bản chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ việc phát hành các văn bản đã được công bố cắt giảm.

2.1.4. Số hóa 100% thủ tục hành chính nội bộ và các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật)

a) Cơ quan chủ trì: Các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường.

b) Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

c) Thời hạn: Tháng 6/2026.

2.1.5. Thống nhất Hệ thống báo cáo điện tử duy nhất và cắt giảm báo cáo

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Gắn với/tích hợp với Không gian làm việc số của Thành phố.
- Châm dứt hoàn toàn việc yêu cầu báo cáo nhiều lần, từ nhiều phía, trên nhiều hệ thống, về cùng một nội dung.
- Rà soát, cắt giảm tối thiểu 50% báo cáo bằng văn bản (theo thực trạng số lượng loại báo cáo trên thực tế) theo 2 hình thức: Cắt bỏ hoặc chuyển sang dạng báo cáo bằng dữ liệu. Công bố về các loại báo cáo được cắt giảm. Cơ quan yêu cầu báo cáo bằng văn bản chịu trách nhiệm nếu yêu cầu loại đã được cắt giảm.

2.1.6. Thực hiện công khai lịch công tác tuần của các lãnh đạo

- a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND Thành phố.
- b) Thời hạn: Từ Quý II/2026.
- c) Yêu cầu tối thiểu: Cập nhật liên tục, bảo đảm đúng với lịch trình thực tế; tiết kiệm thời gian thông báo khi có điều chỉnh; tích hợp AI cảnh báo chồng chéo, quá tải hoặc trống lịch.

2.2. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

2.2.1. Thiết kế cung cấp dịch vụ công theo “vòng đời”, nhóm sự kiện của người dân, doanh nghiệp (bao gồm dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công khác) theo hướng chủ động và cá nhân hóa

- a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.
- c) Thời hạn:
 - Thí điểm từ tháng 5/2026 để làm cơ sở nhân rộng.
 - Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

2.2.2. Tự động hóa trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với một số dịch vụ thiết yếu

- a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.
- c) Thời hạn: Quý II/2026.
- d) Yêu cầu tối thiểu:
 - Tự động điền toàn bộ E-Form (chỉ phải xác nhận).
 - Tiếp nhận và xử lý tự động 24/7.
 - Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả hệ thống xác thực và cấp bản sao số tài liệu điện tử.

2.2.3. Xây dựng quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình bảo đảm nguyên tắc không tiếp xúc trực tiếp

a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.

c) Thời hạn: Tháng 4/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Toàn bộ quy trình thực hiện từ xa.

- Đo lường được số lượng tiếp xúc trực tiếp/tổng giao dịch phát sinh (bảng dữ liệu theo thời gian thực).

2.2.4. Cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến phải bảo đảm người sử dụng dễ dàng tiếp cận và truy cập, đặc biệt là người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, vùng xa trung tâm, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác

a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.

c) Thời hạn: Báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp bảo đảm nguyên tắc này vào tháng 12/2026.

2.2.5. Cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến có trách nhiệm tự đánh giá định kỳ mức độ phổ cập và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến; công khai kết quả đánh giá; tiếp nhận, xử lý phản ánh của tổ chức, cá nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời

a) Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.

c) Thời hạn: Định kỳ 3 tháng/lần.

2.3. Nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

2.3.1. Căn cứ Khung năng lực số, triển khai đánh giá tập trung và chứng nhận năng lực số đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường.

c) Thời hạn: Quý IV/2026.

2.3.2. Gắn hiệu quả số với đánh giá, xếp loại và cơ chế khuyến khích (bám sát khung năng lực số cơ bản, khung năng lực số nâng cao và hiệu quả số theo từng vị trí việc làm)

a) Cơ quan chủ trì: Các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

c) Thời hạn:

- Ban hành cơ chế trong tháng 8/2026.
- Áp dụng thí điểm từ Tháng 10/2026; chính thức từ ngày 01/01/2027.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

3.1. Tham mưu xây dựng và triển khai Đề án tổng thể về phát triển kinh tế số của Thủ đô

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành.
- c) Thời hạn: Quý II/2026 phê duyệt Đề án.

3.2. Trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về chính sách đặc thù để phát triển kinh tế số Thủ đô, thúc đẩy tăng trưởng từ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Thời hạn: Quý III/2026.
- c) Bao hàm tối thiểu các chính sách sau:
 - Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.
 - Thúc đẩy các ngành kinh tế mới.
 - Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nền kinh tế số.
 - Khuyến khích sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu nội dung số sáng tạo.
 - Phát triển các hệ thống số, nền tảng số, hệ sinh thái số phục vụ nhu cầu thị trường của Thành phố, trong nước và quốc tế.

3.3. Hỗ trợ 10.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) chuyển đổi số thực chất, giúp SMEs tiếp cận công nghệ cao (như AI marketing, kế toán tự động) với chi phí thấp mà không cần đầu tư hạ tầng phức tạp

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.
- c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026 (tiếp tục trong các năm tiếp theo).
- d) Định hướng: Thiết kế gói hỗ trợ theo “chuỗi giá trị” cho SMEs/hộ kinh doanh: bán hàng số, quản trị đơn hàng - kho, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số, chăm sóc khách hàng số. Việc hỗ trợ kèm theo điều kiện chuyển đổi thực chất của doanh nghiệp nhận gói hỗ trợ. Các gói hỗ trợ cần chia thành các cấp độ khác nhau phù hợp với hiện trạng của từng doanh nghiệp.

3.4. Chương trình “Nền tảng số nội địa cho kinh tế Thủ đô” (giảm lệ thuộc nền tảng, tăng giá trị nội sinh)

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành có liên quan; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn:

- Ban hành Chương trình: Quý III/2026.

- Triển khai: Từ Quý IV/2026.

3.5. Triển khai các chương trình phát triển kinh tế dựa trên dữ liệu. Ban hành danh mục dữ liệu ưu tiên cho phát triển kinh tế số, công bố các bộ dữ liệu mở có giá trị cao, API dữ liệu phục vụ doanh nghiệp (có kiểm soát). Lựa chọn các doanh nghiệp tham gia chương trình “khai thác dữ liệu tạo sản phẩm”; hình thành tối thiểu 5 sản phẩm/dịch vụ mới từ khai thác dữ liệu Thành phố (có người dùng/doanh thu thử nghiệm)

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Công thương, Sở, ngành có liên quan; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

3.6. Thúc đẩy các ngành kinh tế số mới: Ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ tiên tiến, ví dụ:

- Kinh tế vật lý số (Phygital): Ứng dụng công nghệ định danh số (Digital ID) và chuỗi khối (Blockchain) để số hóa các tài sản thực như di sản văn hóa, kho tư liệu hình ảnh động quốc gia, nông sản OCOP, sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

- Kinh tế Bản sao số (Digital Twin Economy): Ứng dụng trong quy hoạch, bất động sản, logistics thông minh.

- Công nghệ tài chính (Fintech) thế hệ mới: Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để đánh giá rủi ro tín dụng dựa trên dữ liệu phi truyền thống, giúp mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho người dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

a) Cơ quan chủ trì: Sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý, chủ động nghiên cứu và phát triển các ngành kinh tế số mới.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

3.7. Chương trình “Nâng TFP đô thị bằng chuyển đổi số” (đo lường năng suất số theo ngành trọng điểm). Lựa chọn tối thiểu 5 ngành/lĩnh vực có tác động lớn đến GRDP, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp nền tảng; công nghiệp ưu tiên; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp năng lượng; khai thác tài nguyên, khoáng sản; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành, Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội chủ trì triển khai trong ngành/lĩnh vực quản lý, theo phân công tại Chương trình.

c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

3.8. Thí điểm cơ chế chấm điểm tín dụng dựa trên dữ liệu giao dịch số của SME nhằm thúc đẩy nhu cầu tự chuyển đổi số của doanh nghiệp. Định hướng là Thiết kế mô hình chấm điểm tín dụng dựa trên Dữ liệu hóa đơn điện tử, Dữ liệu thanh toán số, Dữ liệu doanh thu thương mại điện tử và các dữ liệu giao dịch số đáng tin cậy khác phản ánh sức khỏe tài chính của doanh nghiệp, làm căn cứ cho việc vay vốn, lãi suất vay, thời gian duyệt hồ sơ vay, với các cơ chế ưu đãi và hỗ trợ

a) Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài chính, các ngân hàng thương mại; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn:

- Ban hành cơ chế thí điểm: Quý III/2026.

- Triển khai, đánh giá kết quả: Tháng 12/2026.

3.9. Chương trình “Kinh tế số xanh” (Green Digital Economy) giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng, giảm tác động môi trường và thông qua bộ tiêu chí hạ tầng số xanh áp dụng đối với trung tâm dữ liệu, nền tảng số, dịch vụ điện toán đám mây; mua sắm công nghệ tiết kiệm năng lượng; chuyển đổi số để giảm phát thải.

a) Cơ quan chủ trì:

- Sở Công Thương chủ trì đối với các nội dung liên quan đến chương trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý nhu cầu điện và giảm phát thải trong sản xuất - phân phối - tiêu dùng, logistics.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì đối với các nội dung liên quan đến xây dựng bộ tiêu chí hạ tầng số xanh, nghiên cứu, lựa chọn, đánh giá và ứng dụng công nghệ số, công nghệ mới, đổi mới sáng tạo phục vụ chuyển đổi xanh.

- Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, mua sắm công nghệ chủ trì bảo đảm nguyên tắc kinh tế số xanh và chuyển đổi số để giảm phát thải.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở, ngành Thành phố; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn:

- Ban hành cơ chế thí điểm: Quý III/2026.

- Triển khai, đánh giá kết quả: Tháng 12/2026.

3.10. Chương trình “Kinh tế số tuần hoàn” thông qua các mô hình thu hồi - tái sử dụng - tái chế thiết bị công nghệ thông tin và rác thải điện tử từ hoạt động kinh tế số (đặc biệt là ICT)

a) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn:

- Ban hành cơ chế thí điểm: Quý III/2026.

- Triển khai, đánh giá kết quả: Tháng 12/2026.

3.11. Các giải pháp đột phá thúc đẩy thương mại điện tử Thủ đô theo hướng làm chủ dữ liệu, chuỗi giá trị và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong đó:

- Hình thành dữ liệu chung về thương mại điện tử và phân tích thường xuyên về thị trường, gợi ý chính sách cho doanh nghiệp tham gia;

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh gian hàng doanh nghiệp Thủ đô trên các nền tảng số;

- Phát triển logistics số nội đô phục vụ thương mại điện tử (không thay thế logistics của các Sàn TMĐT mà cung cấp nền tảng điều phối và tối ưu giao nhận đô thị bằng các dữ liệu của Nhà nước);

- Thúc đẩy mô hình bán hàng đa kênh, giảm phụ thuộc vào một (một số) nền tảng.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ngành Thành phố; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026 (báo cáo rõ các giải pháp đột phá đã triển khai và kết quả tương ứng).

3.12. Hỗ trợ 200 doanh nghiệp Thủ đô đầu tư, mở rộng thị trường ra nước ngoài về công nghệ số, dịch vụ số mà Việt Nam có lợi thế

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở, ngành Thành phố; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.
- c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026 (tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo).

3.13. Các nhiệm vụ về phát triển kinh tế số dựa trên văn hóa Thủ đô

3.13.1. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ (IP) văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Trong đó, lựa chọn tối thiểu 10 biểu tượng văn hóa đặc trưng (di sản, huyền sử, làng nghề, ẩm thực...) để phát triển thành IP văn hóa số có đăng ký bản quyền. Hình thành cơ chế khai thác thương mại IP thông qua Phim hoạt hình, game, truyện tranh số; Sản phẩm lưu niệm cao cấp; Ứng dụng AR/VR trong du lịch

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.
- c) Thời hạn: Quý II/2026.

3.13.2. Hình thành cụm công nghiệp nội dung số - sáng tạo văn hóa tại khu CNC Hòa Lạc hoặc một số khu vực sáng tạo đô thị (Hồ Tây, Ven Sông Hồng...) và thu hút doanh nghiệp trong lĩnh vực game, phim hoạt hình, thiết kế số, âm nhạc số, metaverse văn hóa tham gia

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.
- c) Thời hạn: Quý II/2026.

3.13.3. Xây dựng nền tảng số văn hóa Hà Nội tích hợp Bảo tàng số, Vé điện tử sự kiện, Bản đồ di sản số, Sàn thương mại điện tử sản phẩm làng nghề, Không gian triển lãm 3D, Ứng dụng AI cá nhân hóa trải nghiệm văn hóa

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.
- c) Thời hạn: Quý III/2026.

3.13.4. Thi điểm “Công viên văn hóa - giải trí tổng hợp” có chủ đề gắn với các giá trị lịch sử - văn hiến của Thủ đô; kết hợp biểu diễn thực cảnh, công nghệ trình chiếu mapping, khu trải nghiệm tương tác số, âm thực truyền thống

a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

3.13.5. Phát triển kinh tế đêm sáng tạo gắn với công nghệ số tại khu vực Hồ Gươm, Hồ Tây, Ven Sông Hồng; ứng dụng trình diễn ánh sáng nghệ thuật, Drone show kể chuyện lịch sử, thực tế tăng cường cho du khách

a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

3.13.6. Nghiên cứu, xây dựng mô hình số hoá hành trình trải nghiệm sản phẩm văn hoá đô thị Hà Nội

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa và Thể thao; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Quý III/2026.

d) Sản phẩm: Đề án được phê duyệt.

3.14. Phát triển công nghiệp nội dung số sáng tạo và xuất khẩu dịch vụ số Thủ đô

3.14.1. Chương trình “Tăng tốc xuất khẩu nội dung số Thủ đô”. Trong đó, lựa chọn và hỗ trợ tối thiểu 20–30 dự án nội dung số (game, phim hoạt hình, âm nhạc số, thiết kế số, nền tảng sáng tạo nội dung...) có tiềm năng thương mại hóa và xuất khẩu; hỗ trợ hoàn thiện pháp lý về bản quyền, chuẩn hóa sản phẩm, bản địa hóa nội dung, kết nối nền tảng phân phối quốc tế; phấn đấu tối thiểu 10 doanh nghiệp ký kết hợp đồng phân phối hoặc có doanh thu thử nghiệm tại thị trường nước ngoài trong năm 2026

a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Quý II/2026 phát động chương trình, báo cáo kết quả tháng 12/2026.

3.14.2. Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ và bản quyền số cho ngành nội dung số; hỗ trợ phát triển các dự án nội dung số theo kết quả đầu ra

a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Quý III/2026 và duy trì thường xuyên.

3.15. Triển khai Mô hình liên kết '3 nhà' trong phát triển công nghiệp bán dẫn; thúc đẩy nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm và thương mại hóa các sản phẩm, giải pháp công nghệ cao 'Make in Hanoi'.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành liên quan; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Năm 2026.

3.16. Xây dựng Hệ thống bản đồ năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thủ đô

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành liên quan; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Năm 2026.

3.17. Xây dựng Nền tảng dữ liệu và dịch vụ số về sở hữu trí tuệ của Thủ đô

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành liên quan; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội; Viện Sở hữu trí tuệ quốc gia.

c) Thời hạn: Năm 2026.

3.18. Nghiên cứu xây dựng mô hình định danh, định giá, token hóa và giao dịch tài sản số của Thủ đô

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở, ban, ngành liên quan; Công ty Cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội.

c) Thời hạn: Năm 2026.

3.19. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hệ kinh doanh chuyển đổi phương pháp kê khai thuế, từng bước phát triển lên doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy kinh tế tư nhân và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội (giai đoạn triển khai phần mềm như một dịch vụ (SaaS) 12 tháng)

a) Cơ quan chủ trì: Thuế Thành phố Hà Nội.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Sở Tài chính; Cục Thuế - Bộ Tài chính.

c) Thời hạn: dự kiến triển khai từ quý II/2026.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

4.1. Hoàn thành định danh điện tử cho cá nhân, tổ chức theo mục tiêu đã đặt ra và mở rộng xác thực VNeID cho các dịch vụ số

a) Cơ quan chủ trì: Công an Thành phố.

b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành cung cấp dịch vụ số liên quan.

c) Thời hạn: Báo cáo vào tháng 12/2026.

4.2. Khai thác hiệu quả nền tảng iHanoi của Thành phố trong quản trị xã hội số ở cơ sở, phục vụ thực hiện các mục tiêu về xã hội số tại Mục III

a) Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thời hạn: Từ tháng 3/2026 và báo cáo vào tháng 12/2026.

4.3. Trình HĐND ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa số. Hình thành Bộ chuẩn mục văn hóa số và đạo đức số Thủ đô

a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND Thành phố.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

4.4. Xây dựng Đề án thu hẹp khoảng cách số

a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND Thành phố, Sở Y tế.

c) Thời hạn: Quý III/2026.

4.5. Thí điểm 5 “Xã/Phường - xã hội số kiểu mẫu”

a) Cơ quan chủ trì: UBND xã, phường được chọn thí điểm.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thời hạn:

- Thí điểm: Quý II/2026.

- Nhân rộng: Quý IV/2026 báo cáo kết quả nhân rộng

4.6. Phân tích tác động xã hội của chuyển đổi số (bằng dữ liệu), phân ánh về khoảng cách số, tác động của AI tới việc làm, ảnh hưởng của mạng xã hội tới thanh thiếu niên, rủi ro đạo đức số, xung đột giá trị trong không gian số

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của Thành phố (cung cấp dữ liệu và các nội dung có liên quan).
- c) Nhiệm vụ thường xuyên.

4.7. Mô hình phúc lợi số chủ động, mọi dịch vụ xã hội được kích hoạt tự động khi đủ điều kiện (trợ cấp, bảo hiểm, hỗ trợ học phí...), hệ thống tự động gợi ý quyền lợi cho người dân, doanh nghiệp

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội, các Sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ
- c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026

4.8. Triển khai mô hình “An sinh số chủ động” (Tự động phát hiện hộ có nguy cơ tái nghèo dựa trên dữ liệu, phát hiện người lao động có nguy cơ mất việc do tự động hóa; đề xuất hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động ...)

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, các Sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo.
- c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

4.9. Hình thành và phát triển hệ sinh thái số để cung cấp và gia tăng các dịch vụ số trên iHanoi. Trong đó, mở API iHanoi cho tổ chức xã hội, trường học, doanh nghiệp công nghệ; thúc đẩy việc phát triển mini-app cộng đồng, tạo nhóm dân cư số chính danh, cộng đồng tự tổ chức lấy ý kiến, khảo sát, biểu quyết; đồng thời cho phép tích hợp dịch vụ số của hội nghề nghiệp, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, tích hợp Thẻ điện tử Người có công và các mã ưu đãi dịch vụ dân sinh (giao thông, y tế, văn hóa) trên ứng dụng iHanoi ... Hình thành hệ sinh thái ứng dụng cộng đồng do người dân và doanh nghiệp cùng phát triển

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành; UBND xã, phường.
- c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

4.10. Thiết lập cơ chế minh bạch và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trên các nền tảng số của Thành phố. Công dân xem được dữ liệu gì đang được Thành phố lưu trữ, những chủ thể nào đã truy cập dữ liệu của mình, thời điểm truy cập. Hệ thống ghi vết toàn bộ truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng số của Thành phố. Công bố nguyên tắc minh bạch thuật toán trong các dịch vụ công sử dụng AI (nếu có). Thiết lập cơ chế phản ánh, khiếu nại trực tuyến nếu phát hiện sử dụng sai dữ liệu

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- b) Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố; Sở, ban, ngành.
- c) Thời hạn: Quý IV/2026.

5. Nhiệm vụ, giải pháp khác

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường.

- Là đầu mối tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng quý báo cáo UBND Thành phố.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ tại Kế hoạch này, hồ sơ đề xuất của các cơ quan nhà nước Thành phố và khả năng cân đối ngân sách; tham mưu UBND Thành phố bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, UBND xã, phường

- Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường trực tiếp chỉ đạo; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thành phố về việc thực hiện Kế hoạch này.

- Các Sở, ban, ngành được giao chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp chỉ tiêu tại Phụ lục 01 kèm theo Kế hoạch thực hiện hướng dẫn, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao, báo cáo định kỳ hằng quý về Sở Khoa học và Công nghệ (lồng ghép vào báo cáo của đơn vị theo chế độ báo cáo quy định tại Kế hoạch này).

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai (hoặc lồng ghép các nội dung liên quan vào văn bản triển khai Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố) để tổ chức thực hiện hiệu quả tại cơ quan, đơn vị.

- Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm về chất lượng, tính đầy đủ và kịp thời của dữ liệu do cơ quan mình quản lý; dữ liệu không cập nhật, không chia sẻ đúng quy định được coi là không hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm phối hợp Bộ, ngành rà soát, triển khai, thực hiện các phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành bảo đảm tính pháp lý, thống nhất, tránh trùng lặp chức năng, dữ liệu; đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Các Sở, ban, ngành căn cứ Kế hoạch này tiến hành phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện theo Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ, gửi Sở Tài chính **trước ngày 10/4/2026** để tham mưu UBND Thành phố xem xét, quyết định bố trí dự toán kinh phí thực hiện **trước ngày 15/4/2026**.

- Đối với các nội dung phức tạp và vượt thẩm quyền, cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

4. Cơ chế thông tin, báo cáo

- Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng (trước ngày 20 hằng tháng) về kết quả triển khai Kế hoạch; gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

- Nội dung báo cáo ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ điều hành; bảo đảm khách quan, minh bạch, có khả năng kiểm chứng; kiên quyết hạn chế báo cáo thủ công, hình thức, không phản ánh đúng thực chất. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thường xuyên kết quả thực hiện nhiệm vụ theo bộ chỉ số KPI và các mốc công việc phù hợp với từng giai đoạn triển khai.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xác định, cập nhật và hoàn thiện bộ chỉ số KPI, các mốc công việc theo từng giai đoạn; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo theo mẫu quy định, làm căn cứ theo dõi, đánh giá và điều hành.

5. Kinh phí thực hiện và huy động nguồn lực

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính đột phá, lan tỏa trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc xác định nhiệm vụ, đo lường kết quả và điều kiện bố trí nguồn lực quy định tại Kế hoạch này, gắn với kết quả đầu ra cụ thể.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Khuyến khích triển khai các mô hình hợp tác phù hợp (PPP và các hình thức hợp pháp khác) trong đầu tư, phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng số, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch và bền vững.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này từ nguồn ngân sách chi thường xuyên năm 2026 đã được Thành phố giao, bao gồm kinh phí thuê chuyên gia, đơn vị tư vấn và đơn vị triển khai theo yêu cầu nhiệm vụ.

UBND Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ kiểm tra, đánh giá và báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp).

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, ĐMPT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Việt Dũng

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số 131 /KH-UBND ngày 31/ 3 /2026 của UBND Thành phố)

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
	I	Chính quyền số				
1	1	100% cơ quan nhà nước Thành phố ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành) - tính từ 01/10/2026.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025
2	2	Giảm ít nhất 50% văn bản lấy ý kiến giữa các cơ quan nhà nước Thành phố, tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
3	3	100% các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của Thành phố.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
4	4	60% cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp trong các cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
5	5	100% Cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực tế triển khai tại Thành phố
6	6	100% hệ thống/ứng dụng mới hoặc nâng cấp của Thành phố phải “API-first” và kết nối LGSP. Không phát sinh hệ thống/ứng dụng riêng lẻ ngoài kiến trúc số thống nhất của Thành phố. Tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
7	7	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025
8	8	100% thủ tục hành chính nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
9	9	Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt tối thiểu 95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
10	10	Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố xếp hạng từ thứ 10 trở lên.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
11	11	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt ≥ 98% .	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực tế triển khai tại Thành phố
12	12	Phân đầu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung < 5% .	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực tế triển khai tại Thành phố
13	13	≥ 50% TTHC phát sinh nhiều hồ sơ được tổ chức lại theo nhóm sự kiện (khai sinh, nhập học, việc làm, an sinh, tuổi già...). ≥ 60% hồ sơ thuộc các nhóm này được hệ thống tự động gợi ý dịch vụ liên quan. ≥ 80% doanh nghiệp mới thành lập được hệ thống tự động cung cấp “gói thủ tục khởi sự”, khuyến cáo nghĩa vụ pháp lý cơ bản trong 12 tháng đầu. ≥ 50% doanh nghiệp đang hoạt động nhận được gợi ý chính sách hỗ trợ phù hợp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
	II	Kinh tế số				
14	1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 22%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Bổ sung, triển khai thực tế
15	2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15% .	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực tế triển khai tại Thành phố
16	3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 17% ; duy trì vị trí dẫn đầu cả nước về xếp hạng Chỉ số Thương mại điện tử (EBI) hằng năm.	Sở Công Thương	Sở Công Thương và các sở, ban, ngành	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
17	4	Tỷ trọng kinh tế dữ liệu chiếm tối thiểu 5% kinh tế số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở, ban, ngành	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
18	5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt > 85% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026
19	6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt > 60% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026
20	7	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phần đầu đạt trên 60% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
21	8	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
22	9	100% văn bản của doanh nghiệp được chuyển nhận trên hệ thống chuyển nhận văn bản điện tử tích hợp trên iHanoi.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thực tế triển khai tại Thành phố
23	10	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu 75% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
24	11	100% siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu 85% chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
25	12	Chia sẻ có kiểm soát tối thiểu 20 bộ dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp; hình thành tối thiểu 5 sản phẩm/dịch vụ mới khai thác dữ liệu của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
26	13	Năng suất lao động khu vực doanh nghiệp tăng tối thiểu 7–8%/năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
27	14	Tối thiểu 60% doanh nghiệp logistics, thương mại đầu mối ứng dụng nền tảng số trong điều phối và quản lý chuỗi cung ứng.	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
	III	Xã hội số				
28	1	Tỷ lệ công dân được định danh điện tử (VNeID) đạt $\geq 95\%$; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt 90%. Tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh được cấp tài khoản định danh điện tử đạt $\geq 90\%$.	Công an Thành phố	Công an Thành phố	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
29	2	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
30	3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1; Sở Công Thương	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
31	4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân đạt ≥ 60% .	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026
32	5	Tối thiểu 50% dịch vụ số khác được xác thực bằng VNeID (ngoài thủ tục hành chính đã yêu cầu bắt buộc) và tích hợp iHanoi.	Công an Thành phố	Công an Thành phố	Các Sở, ban, ngành	Thực tế triển khai tại Thành phố
33	6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80% , tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 100%.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành	Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08/01/2026
34	7	Tối thiểu 90% giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Sở, ban, ngành	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
35	8	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến/khám chữa bệnh từ xa đạt ≥ 45% .	Sở Y tế	Sở Y tế	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
36	9	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt ≥ 90% .	Sở Y tế	Sở Y tế	Đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
37	10	$\geq 75\%$ giao dịch dịch vụ dân sinh thiết yếu (điện, nước, học phí, viện phí, giao thông công cộng...) được thực hiện trên môi trường số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
38	11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản iHanoi đạt $\geq 85\%$.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
39	12	Tỷ lệ người dùng iHanoi hoạt động hằng tháng đạt $\geq 60\%$ (tính tại thời điểm tháng 11, 12/2026).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
40	13	100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi được xử lý đúng hạn và công bố công khai trên iHanoi.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
41	14	100% các thôn, tổ dân phố hình thành cộng đồng số trên iHanoi.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thực tế triển khai tại Thành phố
42	15	$\geq 70\%$ thông báo chính thức của Thành phố để phổ biến đến người dân được thực hiện qua iHanoi.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
43	16	Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt $\geq 70\%$.	Công an Thành phố	Công an Thành phố	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
44	17	Tối thiểu 50% tổ dân phố/khu dân cư triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
45	18	100% hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Thực tế triển khai tại Thành phố
46	19	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 95% .	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
47	20	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 90% .	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Stt		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
48	21	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100% .	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
49	22	Tổ chức tối thiểu 01 chiến dịch truyền thông quy mô Thành phố/năm về an toàn số và trách nhiệm số; tối thiểu 90% người dân được tiếp cận thông tin tuyên truyền về dịch vụ số và kỹ năng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

Phụ lục 02**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

(Kèm theo Kế hoạch số 131 /KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
	I	Đổi mới trong công tác chỉ đạo, điều hành					
1	1	100% người đứng đầu các cơ quan nhà nước Thành phố phải sử dụng các hệ thống số dùng chung của Thành phố trong công tác chỉ đạo, điều hành	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND Thành phố, Các sở, ngành chủ trì hệ thống	Thường xuyên	Hạn chế tối đa việc yêu cầu báo cáo thủ công, báo cáo ngoài hệ thống.	Không phát sinh hệ thống báo cáo riêng lẻ ngoài các nền tảng dùng chung của Thành phố.
	II	Phát triển nhân lực số					
2	1	Triển khai khung Chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý II/2026	50% cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	Khóa đào tạo, cấp chứng chỉ
3	2	Đào tạo về kỹ năng sản xuất nội dung và truyền thông số (kỹ năng xây Fanpage, xây kênh TikTok, Youtube, Kỹ năng viết bài, sản xuất video, podcast, kỹ năng livestream) cho cán bộ truyền thông, cán bộ văn hóa xã/ phường của Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND cấp xã	Quý IV/2026	- Đào tạo 100% cán bộ truyền thông cơ sở; 100% xã, phường có kênh truyền thông số hoạt động; trên 80% cán bộ sử dụng thành thạo kỹ năng sản xuất nội dung số.	Chương trình đào tạo chuẩn hóa; bộ học liệu số; hệ thống kênh truyền thông số cấp xã; kho nội dung mẫu dùng chung; hệ thống thống kê, báo cáo đánh giá hiệu quả truyền thông.
4	3	Thuê dịch vụ nhân sự công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số cho các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nhân sự IT hỗ trợ thường xuyên tại các xã, phường	Nhân sự IT hỗ trợ thường xuyên tại các xã, phường

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
5	4	Xây dựng kênh Hỗ trợ chuyển đổi số online 24/7 cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Kênh hỗ trợ 24/7; xử lý yêu cầu từ xa	Kênh hỗ trợ 24/7; xử lý yêu cầu từ xa
6	5	Thuê chuyên gia thực hiện một số nhiệm vụ về Chuyển đổi số, Công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các Sở, ban, ngành, đơn vị của Thành phố; UBND cấp xã	Năm 2026	Hỗ trợ triển khai nhanh các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Thành phố. Trong bối cảnh yêu cầu về tiến độ, chất lượng và hiệu quả chuyển đổi số ngày càng cao, việc huy động chuyên gia bên ngoài giúp Trung tâm rút ngắn thời gian nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai các nhiệm vụ mới; đồng thời tiếp cận được các giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển chính quyền số, dịch vụ số của Thành phố Hà Nội. Bên cạnh việc trực tiếp tham gia tư vấn, triển khai, các chuyên gia chuyển đổi số còn có vai trò chuyển giao tri thức, đào tạo, hướng dẫn đội ngũ cán bộ của Trung tâm, góp phần nâng cao năng lực nội tại, bảo đảm tính bền vững trong quản trị, vận hành và phát triển hệ thống trong dài hạn.	Báo cáo, kế hoạch, giải pháp, đề án, dự án ...

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
	III	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai					
7	1	Xây dựng và vận hành Hệ thống đo lường, giám sát, chấm điểm tự động mức độ hoàn thành chỉ tiêu và mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị thành phố Hà Nội theo thời gian thực	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND Thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý III/2026	100% Sở, ban, ngành, UBND các cấp được đo lường, chấm điểm tự động 100% chỉ tiêu chuyển đổi số trong Kế hoạch được theo dõi theo thời gian thực. Giảm tối thiểu 80–90% báo cáo thủ công về chuyển đổi số 100% dữ liệu đo lường lấy từ hệ thống số, không nhập tay Cập nhật, xếp hạng chuyển đổi số theo thời gian thực Cảnh báo sớm $\geq 90\%$ nguy cơ chậm tiến độ chỉ tiêu	- Hệ thống đo lường, chấm điểm chuyển đổi số tự động - Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số được số hóa Hệ thống dashboard điều hành thời gian thực - Báo cáo đánh giá, xếp hạng tự động định kỳ Kết nối, đồng bộ dữ liệu với hệ thống EMC của Bộ Khoa học và Công nghệ
	IV	Xây dựng hạ tầng số - nền tảng số - dữ liệu - AI dùng chung					
8	1	Cập nhật Chiến lược dữ liệu bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Chiến lược dữ liệu được cập nhật phù hợp yêu cầu	Quyết định
9	2	Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung của Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành	Quyết định
10	3	Tiếp tục mở rộng kênh tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố bao gồm phân hệ tiếp nhận ý kiến	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Kênh tiếp nhận ý kiến của nhà đầu tư, doanh nghiệp về hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố	Kênh tiếp nhận phản ánh kiến nghị của nhà đầu tư và doanh nghiệp

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
	của nhà đầu tư, doanh nghiệp về hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố.						
11	4	Thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Dữ liệu mở theo quy định	Dữ liệu mở theo quy định
12	5	Nâng cấp, mở rộng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố (LGSP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý IV/2026	<p>Nâng cấp các tính năng quản trị hệ thống nâng cao và các tính năng trải nghiệm cho người dùng.</p> <p>Mở rộng kết nối, tích hợp dịch vụ và dữ liệu với các Bộ ban ngành.</p> <p>Nâng cấp 100% nền tảng LGSP Hà Nội để tương thích với mô hình điều phối dữ liệu thống nhất, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp với Nền tảng điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP):</p> <p>Hình thành mô hình tích hợp theo kiến trúc mới</p> <p>Xây dựng và đưa vào vận hành 01 hệ thống LDOP cấp Thành phố làm trung tâm điều phối dữ liệu nội bộ, sẵn sàng kết nối NDOP</p> <p>Bảo đảm LGSP không bị thay thế mà được kế thừa, mở rộng và tích hợp vào mô hình LDOP theo đúng định hướng kiến trúc mới</p>	Hoàn thiện trực tích hợp chia sẻ LGSP bảo đảm phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn TPHN

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
13	6	Tổng đài thông minh dùng chung	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Hình thành tổng đài thông minh giải đáp 24/7 các vấn đề của đời sống, xã hội, thủ tục hành chính ...	Tổng đài thông minh
	7	Hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố					
14	7.1	Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Tài chính	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
15	7.2	Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung,	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng- Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”- Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
			Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan		công.- Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	
16	7.3 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Dân tộc, Tôn giáo, Tín ngưỡng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
17	7.4 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Quy hoạch Kiến trúc	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
18	7.5 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung,	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
			Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan		hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	
19	7.6 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
20	7.7 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Công thương	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
21	7.8 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Thanh tra	Thanh tra Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung,	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
			Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan		hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	
22	7.9 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
23	7.10 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
24	7.11 Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Y tế	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung,	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
				Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan		hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	
25	7.12	Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan:	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng- Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”- Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.- Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
26	7.13	Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Văn hóa và Thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng
27	7.14	Phát triển, hoàn thiện CSDL chuyên ngành Du lịch	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp nền tảng thu thập tạo lập dữ liệu và kho cơ sở dữ liệu dùng chung,	Thực hiện theo tiến độ và hướng dẫn của từng ngành	- CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng - Dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” - Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục	CSDL chuyên ngành được đưa vào khai thác sử dụng

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
			<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan</i>		<i>hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Kết nối Kho dữ liệu tập trung của Thành phố</i>		
28	8	Triển khai Nền tảng lắng nghe và giám sát mạng xã hội dùng chung của Thành phố	Văn phòng UBND Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Hệ thống được đưa vào sử dụng	Hệ thống được đưa vào sử dụng
29	9	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Nhiệm vụ thường xuyên	Kế hoạch được ban hành và triển khai	Kế hoạch được ban hành và triển khai
30	10	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai chuyển đổi số theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ thường xuyên	Báo cáo	Báo cáo
31	11	Nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện hạ tầng CNTT bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước của Thành phố và phục vụ người dân, doanh nghiệp (Nâng cấp hệ thống mạng; Thiết bị Giao ban trực tuyến; mua sắm bổ sung, trang thiết bị CNTT....)	Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Các Sở, ban, ngành, đơn vị của Thành phố; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Hạ tầng CNTT được đầu tư, bổ sung hoàn thiện	Hạ tầng CNTT được đầu tư, bổ sung hoàn thiện

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
32	12	Xây dựng Hệ thống quản lý BIM dùng chung (Building Information Modeling) tích hợp bản đồ số phục vụ quản lý đầu tư xây dựng.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Hình thành một không gian điều hành tập trung giúp hiện thực hóa lộ trình áp dụng BIM bắt buộc của Chính phủ. Hệ thống cho phép các bên trao đổi dữ liệu thời gian thực, phân tích xung đột thiết kế, phê duyệt và lưu trữ hồ sơ trực quan. Xây dựng giao diện Dashboard thông minh giám sát toàn diện tiến độ và chất lượng dự án.	Hệ thống được đưa vào sử dụng
33	13	Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ quan trắc, đánh giá sức khỏe công trình cầu lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Hệ thống được đưa vào sử dụng cho một số cầu lớn	Hệ thống được đưa vào sử dụng cho một số cầu lớn
34	14	Xây dựng ứng dụng đặt lịch, lấy số hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo công cụ đặt lịch hẹn trực tuyến: Cho phép người dân, doanh nghiệp chủ động chọn cơ quan, thời gian, loại thủ tục, và khung giờ làm việc phù hợp qua ứng dụng web và di động. - Tích hợp chức năng lấy số điện tử: Ứng dụng phát hành mã số (QR code hoặc mã định danh) cho từng lượt hẹn, giúp người dân tra cứu thứ tự và thời gian tiếp nhận. - Kết nối định danh điện tử VNeID: Đồng bộ hóa thông tin cá nhân, xác thực tự động, 	Ứng dụng đặt lịch, lấy số trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
					<p>giảm thủ tục nhập liệu, tăng độ tin cậy dữ liệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp tổng đài và kênh hỗ trợ ảo: Chatbot, call center, và trợ lý ảo phục vụ hướng dẫn quy trình, cung cấp biểu mẫu và tư vấn tự động 24/7. - Hỗ trợ công tác điều hành: Lãnh đạo, cán bộ có thể theo dõi lịch làm việc, thống kê lưu lượng người đến, tình trạng phục vụ, tỷ lệ đúng hẹn, phản hồi mức độ hài lòng. - Tạo nền tảng dữ liệu mở phục vụ quản lý: Dữ liệu giao dịch hành chính được tổng hợp, chuẩn hóa, cung cấp đầu vào cho hệ thống phân tích dữ liệu đô thị. - Liên thông với hệ thống hiện có: Bảo đảm tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Thành phố. 	

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
35	15	Triển khai hệ thống màn hình trình chiếu và nền tảng quản trị nội dung tập trung cho toàn bộ mạng lưới PVHCC Thành phố.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, đơn vị của Thành phố; UBND cấp xã	Quý IV/2026	Xây dựng và vận hành hệ thống màn hình LED trình chiếu đồng bộ trên toàn Thành phố; triển khai nền tảng quản trị nội dung tập trung cho phép Trung tâm PVHCC chủ động biên tập, lịch trình và phân phối nội dung tức thời tới tất cả điểm PVHCC. Hệ thống góp phần hiện đại hóa công tác truyền thông, nâng cao trải nghiệm công dân, hỗ trợ cải cách hành chính và chuyển đổi số.	Hệ thống màn hình trình chiếu và nền tảng quản trị nội dung tập trung cho toàn bộ mạng lưới PVHCC Thành phố.
36	16	Ứng dụng trợ lý ảo (tổng đài AI, Chatbot, Callbot) cho Công an Thành phố.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công an Thành phố, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Hệ thống hoàn thiện và đưa vào sử dụng	Ứng dụng trợ lý ảo (tổng đài AI, Chatbot, Callbot)
37	17	Thuê đường truyền mạng WAN, mạng internet cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý II/2026	Mạng WAN, internet hoạt động ổn định	Hợp đồng với nhà thầu
38	18	Tổng đài nhắn tin tự động phục vụ ứng dụng CNTT của Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, các đơn vị sử dụng dịch vụ tổng đài nhắn tin tự động phục vụ ứng dụng CNTT của Thành phố	Quý II/2026	Hệ thống hoạt động ổn định	Hợp đồng với nhà thầu

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
39	19	Phát triển Miniapp cho 126 xã phường và các Sở, ban ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện bộ miniapp được tùy biến theo đặc thù từng xã/phường (126 đơn vị), bảo đảm phù hợp mô hình dân cư, nhu cầu dịch vụ và hoạt động quản lý tại cơ sở. - Xây dựng khả năng liên thông 2 chiều dữ liệu giữa xã/phường – Thành phố (theo chuẩn kiến trúc ICT Hà Nội). - Chuẩn hóa bộ API kết nối với hệ thống dùng chung của Thành phố. - Bảo đảm an toàn - bảo mật - Phân quyền chặt chẽ theo từng cấp chính quyền. 	Triển khai đầy đủ bộ miniapp cho 126 xã/phường và các Sở, ban ngành trên iHanoi.
40	20	Phát triển Miniapp tổng hợp báo chí điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng miniapp tổng hợp báo chí điện tử tích hợp trên iHanoi, thu thập tin tức từ các nguồn báo chính thống theo chuẩn kết nối của Thành phố. - Tích hợp, phân loại và hiển thị tin tức theo thời gian thực, bảo đảm tốc độ cập nhật nhanh và ổn định. - Chuẩn hóa bộ API kết nối với các tòa soạn báo điện tử; bảo đảm an toàn dữ liệu và tuân thủ quy định pháp luật. 	Ra mắt miniapp tổng hợp báo chí điện tử trên iHanoi.

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
41	21	Xây dựng Đề án Trung tâm Điều hành Y tế số Thành phố	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026	Hệ thống được thiết kế, vận hành theo hướng tương tác theo thời gian thực, không chỉ dừng lại ở việc tổng hợp, báo cáo số liệu tĩnh, trong đó tập trung: - Thiết lập cơ chế điều phối linh hoạt, hiệu quả mạng lưới cấp cứu 115 và hệ thống giường bệnh tại các cơ sở điều trị trên toàn địa bàn Thành phố; kịp thời khắc phục tình trạng quá tải cục bộ tại các cơ sở khám, chữa bệnh. - Từng bước tích hợp các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống cảm biến và phân tích dữ liệu lớn, phục vụ công tác dự báo dịch bệnh, cảnh báo sớm các bệnh không lây nhiễm đến cấp độ khu dân cư, khu vực	Đề án được phê duyệt
42	22	Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, điều hành hệ thống y tế cấp Thành phố	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Chuyển đổi mô hình ứng dụng AI từ hỗ trợ chuyên môn tại cơ sở khám, chữa bệnh sang phục vụ điều hành vĩ mô	AI được ứng dụng trong hệ thống y tế Thành phố
43	23	Xây dựng Trung tâm AI y sinh	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Trung tâm AI y sinh được hình thành và đưa vào hoạt động	Trung tâm AI y sinh

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
44	24	Xây dựng và triển khai Hệ sinh thái đào tạo số dùng chung của thành phố Hà Nội (bao gồm nền tảng đào tạo trực tuyến, Sổ tay số và bộ học liệu năng lực số)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 nền tảng đào tạo trực tuyến và 01 ứng dụng Sổ tay số; xây dựng, phát triển tối thiểu 100 bài giảng số; - Đối tượng đào tạo, tập huấn: cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lao động hợp đồng, người dân, doanh nghiệp; - hình thành cơ sở dữ liệu và dashboard theo dõi; - Sẵn sàng phục vụ đánh giá năng lực số cán bộ, công chức, viên chức toàn Thành phố. 	Nền tảng đào tạo trực tuyến dùng chung; ứng dụng Sổ tay số; bộ học liệu năng lực số chuẩn hóa; cơ sở dữ liệu năng lực số; hệ thống dashboard và báo cáo tổng kết.
45	25	Hệ thống cảm biến, quan trắc thông minh về môi trường, úng ngập, ùn tắc giao thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý IV/2026	<p>Xây dựng mạng lưới cảm biến IoT đồng bộ, kết nối tập trung.</p> <p>Cung cấp dữ liệu thời gian thực phục vụ điều hành đô thị.</p> <p>Thiết lập cơ chế cảnh báo sớm sự cố môi trường, úng ngập, ùn tắc.</p> <p>Hỗ trợ phân tích, dự báo và tối ưu phương án xử lý.</p>	<p>Hệ thống thiết bị cảm biến lắp đặt theo quy hoạch.</p> <p>Nền tảng thu thập, lưu trữ, tích hợp dữ liệu tập trung.</p> <p>Dashboard giám sát trực quan.</p> <p>Hệ thống cảnh báo tự động đa kênh.</p> <p>Báo cáo phân tích dữ liệu định kỳ.</p>

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
46	26	Dịch vụ tư vấn, quản trị, phân tích dữ liệu của hệ thống iHanoi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Chuẩn hóa công tác quản trị dữ liệu. Nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành. Hình thành hệ thống phân tích, dự báo hỗ trợ ra quyết định.	Bộ khung quản trị dữ liệu iHanoi (Data Governance). Hệ thống dashboard phân tích đa chiều. Báo cáo phân tích chuyên đề định kỳ. Ứng dụng AI hỗ trợ phân loại, dự báo, gợi ý xử lý.
47	27	Nâng cấp và bổ sung một số chức năng cho nền tảng ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHanoi)	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Ứng dụng dành cho người dân: Chức năng Phản ánh TTHC được làm mới giúp tăng trải nghiệm của người dân, dễ dàng theo dõi trạng thái xử lý phản ánh minh bạch; Ngôn ngữ tiếng Anh của ứng dụng hỗ trợ khách du lịch và người nước ngoài đang sinh sống ở Hà Nội có thể sử dụng được ứng dụng một cách thuận tiện; Chức năng thay đổi số điện thoại đăng nhập, đề xuất xóa tài khoản... giúp người dân chủ động trong việc thay đổi, quản lý tài khoản. Website quản trị: Chức năng tra cứu người dùng giúp cán bộ có thể theo dõi lịch sử tương tác của người dùng trên iHanoi; Hoàn thiện chức năng quản	Hệ thống được nâng cấp, mở rộng

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
						trị góp ý, phản biện xã hội, giúp cán bộ dễ dàng thao tác tiếp nhận, đánh giá các góp ý; Hoàn thiện chức năng dashboard, thống kê phản ánh kiến nghị hỗ trợ cán bộ trong việc theo dõi các báo cáo về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị...; Hoàn thiện nâng cấp các chức năng quản lý dữ liệu (quản lý phòng ban, nhóm quản trị, tài khoản, tra cứu người dùng...) giúp tăng mức độ giám sát và hỗ trợ tra cứu dữ liệu đầy đủ hơn.	
48	28	Xây dựng hệ thống xác thực định danh người dùng Thành phố – IDP	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý III/2026	<p>Người dùng chỉ cần xác thực một lần để có thể vào được tất cả các hệ thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp xác thực hai lớp (MFA), chữ ký số chuyên dùng và mã OTP - Chuẩn hóa danh mục người dùng, nhóm quyền, và cơ chế cấp phát – thu hồi tài khoản theo mô hình tập trung - Kết nối liên thông xác thực và phân quyền với nền tảng Chính phủ số quốc gia và các hệ thống ngành dọc (Bộ, Ngành Trung ương) 	Hệ thống xác thực tập trung IDP được triển khai và ứng dụng với tất cả các CSDL/HTTT dùng chung của thành phố Hà Nội

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
49	29	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống thông tin nguồn Thành phố	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Hệ thống được đưa vào sử dụng	Hệ thống được đưa vào sử dụng
50	30	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Trung tâm Dữ liệu chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý III/2026	Hệ thống TTDL chính bảo đảm ATTT, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Luật An toàn thông tin mạng 2015, Nghị định 85/2016/NĐ-CP (về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ), Thông tư 12/2022/TT-BTTTT (hướng dẫn Nghị định 85)	Bảo vệ hệ thống thông tin tại TTDL khỏi các nguy cơ an ninh mạng, chủ động phát hiện và khắc phục các điểm yếu, lỗ hổng tiềm ẩn trong toàn bộ hệ thống
51	31	Thuê bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm Dữ liệu chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Bảo đảm đủ hạ tầng phục vụ cài đặt các ứng dụng dùng chung của Thành phố	Hệ thống được đưa vào sử dụng
52	32	Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc thực phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2026	- Người dân được sử dụng dịch vụ xác thực và cấp bản sao số tự động - Bản sao số được tạo lập, lưu trữ và có giá trị pháp lý	Kiosk thông minh đặt tại các chi nhánh và điểm phục vụ hành chính công
53	33	Triển khai Kiosk thông minh phục vụ việc xác thực và cấp bản sao số về thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026	- Người dân được sử dụng dịch vụ xác thực và cấp bản sao số tự động - Bản sao số được tạo lập, lưu trữ và có giá trị pháp lý.	Kiosk thông minh đặt tại các chi nhánh và điểm phục vụ hành chính công

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
	V	Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất, Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh					
54	1	Tiếp tục hoàn thiện, vận hành ổn định Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý II/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC do Thành phố cung cấp (bao gồm các DVC theo mô hình tập trung) đạt tối thiểu 80% - Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của Thành phố đạt tối thiểu 80% - Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước. - 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi Thành phố. - Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ CSDL quốc gia, chuyên ngành. - Giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý các quy trình liên 	Hệ thống vận hành ổn định

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
						thông. - Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	
55	2	Rà soát, tái cấu trúc tối thiểu 100% các quy trình nội bộ có tần suất xử lý cao.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Quý IV/2026	- Giám trung gian; - Chuẩn hóa dữ liệu đầu vào; - Tích hợp xử lý liên thông trên môi trường số; - Loại bỏ triệt để việc xử lý song song điện tử - giấy	Danh mục quy trình đã tái cấu trúc và sơ đồ quy trình số
56	3	Trang bị Robot hướng dẫn thủ tục, tra cứu thông tin, chỉ dẫn vị trí quây tại các Chi nhánh, Điểm hành chính công của thành phố Hà Nội (nhóm 15 tiện ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý IV/2026	Robot được mua sắm và đưa vào sử dụng	Robot hướng dẫn
	VI	Phát triển kinh tế số, thúc đẩy tăng trưởng				- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2026 đạt 22%;	
	1	Chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp nền tảng; công nghiệp ưu tiên; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp năng					

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
	lượng; khai thác tài nguyên, khoáng sản; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch.					
57	1.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Đóng góp vào tăng trưởng theo chỉ tiêu đã đặt ra	Các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
58	1.2	Triển khai một số nền tảng số giám sát môi trường tích hợp cảm biến IoT thu thập dữ liệu về chất lượng đất, nước, không khí, hình thành kho dữ liệu lớn phục vụ cảnh báo ô nhiễm. Hình thành và phát triển dữ liệu số viễn thám phục vụ quản lý, dự báo về tài nguyên, môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Đóng góp vào tăng trưởng theo chỉ tiêu đã đặt ra	Các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số
59	1.3	Triển khai một số nền tảng số phục vụ quản trị, kinh doanh cho cơ sở lưu trú, lữ hành, ăn uống, điểm đến; hình thành và phát triển dữ liệu số du lịch. Đa dạng hóa hình thức du lịch thông qua các tour số, du lịch thực tế ảo; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo hình thành điểm đến thông minh và cá nhân hóa trải nghiệm. Phát triển nhân lực số du lịch.	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Đóng góp vào tăng trưởng theo chỉ tiêu đã đặt ra	Các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
60	1.4	Phát triển văn hóa số nhằm thúc đẩy công nghiệp văn hóa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Hình thành và phát triển dữ liệu văn hóa: di sản, nghệ thuật, sản phẩm văn hoá. Ứng dụng công nghệ số để sáng tạo và phát triển các nền tảng phân phối mang bản sắc Việt Nam ra thị trường quốc tế. Phát triển mô hình 3D/VR360 các bảo tàng, di tích lịch sử, văn hoá và xây dựng ứng dụng quốc gia giúp người dân dễ dàng tra cứu, trải nghiệm trực tuyến.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Đóng góp vào tăng trưởng theo chỉ tiêu đã đặt ra	Các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số
61	1.5	Phát triển thương mại điện tử, kinh doanh trên môi trường số hướng theo mô hình thương mại điện tử xuyên biên giới. Phát triển các Gian hàng số Thủ đô trên các sàn thương mại điện tử phổ biến. Ứng dụng các giải pháp trung bày, triển lãm trên môi trường số nhằm thúc đẩy quảng bá, xúc tiến thương mại. Phát triển nhân lực số về thương mại điện tử, logistics, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu... theo chuẩn	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Đóng góp vào tăng trưởng theo chỉ tiêu đã đặt ra	Các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
	<i>quốc tế và gắn với thực hành sử dụng nền tảng số.</i>						
62	1.6	<i>Đẩy mạnh phát triển nhà máy thông minh, xanh và bền vững. Hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp và cụm công nghiệp, tập trung vào một số ngành quan trọng (điện tử, cơ khí, ô tô, dệt may, thực phẩm...). Thúc đẩy sử dụng các nền tảng chuyển đổi số sản xuất (MES) chuyên biệt cho từng lĩnh vực. Đào tạo nguồn nhân lực về sản xuất thông minh và quản lý số trong công nghiệp, ưu tiên kỹ năng sử dụng các phần mềm mô phỏng và quản lý sản xuất (ERP, MES, SCADA); hình thành đội ngũ kỹ sư, chuyên gia có năng lực vận hành và thiết kế nhà máy thông minh.</i>	<i>Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp</i>	<i>Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>Quý IV/2026</i>	<i>Đóng góp vào tăng trưởng theo chỉ tiêu đã đặt ra</i>	<i>Các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số</i>
63	2	Phát triển nền tảng quản trị, cơ sở kinh doanh cho thuê trọ số Hà Nội (Xã hội hoá)	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Quý II/2026	Năm 2026: 100% số nhà trọ trên địa bàn xã, phường tiếp cận với hệ thống phần mềm; 50% chủ nhà trọ sử dụng; Thành phố có được dữ liệu về nhà trọ, di biến động của người trọ, ...	Hệ thống đưa vào sử dụng

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
64	3	Xây dựng Bộ giải pháp chuyển đổi số mẫu cho doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực. Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, thí điểm cung cấp, hướng dẫn triển khai bộ giải pháp chuyển đổi số mẫu theo ngành, lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Tài chính; các doanh nghiệp CNTT	Thường xuyên	Bộ giải pháp chuyển đổi số mẫu cho 8-10 ngành nghề, lĩnh vực (bán lẻ, sản xuất, logistics, dịch vụ...). Tư vấn thí điểm 40-50 doanh nghiệp triển khai Bộ giải pháp chuyển đổi số, đánh giá hiệu quả, cải tiến Bộ giải pháp cho phù hợp với thực tế để 2027-2028 triển khai đại trà.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ giải pháp chuyển đổi số mẫu cho 8-10 ngành nghề, lĩnh vực (bán lẻ, sản xuất, logistics, dịch vụ...) - Danh sách doanh nghiệp được tư vấn, hỗ trợ triển khai Bộ giải pháp. - Báo cáo kết quả tư vấn, hỗ trợ và đề xuất nhân rộng mô hình.
65	4	Xây dựng và vận hành nền tảng số dùng chung quản lý, giám sát Quỹ bảo trì chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội (Xã hội hoá)	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã, Ban Quản trị chung cư, Đơn vị quản lý vận hành, Cư dân,	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - 100% BQL chung cư tiếp cận với phần mềm; - 25- 30% BQL sử dụng phần mềm quỹ bảo trì, đảm bảo Quỹ được công khai minh bạch - Giảm số vụ khiếu kiện, tranh chấp - Tăng mức độ hài lòng của cư dân; xã, phường, cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát tốt hơn hoạt động của BQL chung cư 	Hệ thống phần mềm quản lý dùng chung, giám sát Quỹ bảo trì chung cư; cơ sở dữ liệu và báo cáo tổng hợp; quy trình quản trị số; công cụ công khai thông tin cho cư dân; tài khoản giám sát cho cơ quan quản lý; ...
66	5	Sản xuất video bài giảng số và đào tạo trực tuyến về các kỹ năng quản trị, vận hành, kinh doanh trên các nền tảng số cho tiểu thương, thương nhân thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương	Quý IV/2026	Sản xuất 80-100 video bài giảng số, đưa lên nền tảng số, hệ thống Elearning, cấp tài khoản cho 1000-1500 lượt tiểu thương, thương nhân tham gia; trên 60-70% học viên sử dụng được nền tảng số trong kinh doanh; Đưa lên	Bộ sản phẩm học liệu video giúp tiểu thương nâng cao kiến thức, kỹ năng vận hành, quản trị, phát triển kinh doanh trên các nền tảng số

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
					các kênh, mạng xã hội của Trung tâm Chuyển đổi số và Thông tin truyền thông Hà Nội đa dạng kênh tiếp cận, thúc đẩy tiêu thương, thương nhân tự học...	
67	6	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Các hiệp hội doanh nghiệp	Quý IV/2026	Đào tạo 120-150 doanh nghiệp KHCN; 40-50% doanh nghiệp có triển khai giải pháp AI, dữ liệu, tự động hóa hoặc chuyển đổi xanh; trên 85% doanh nghiệp được đào tạo hài lòng.	Chương trình đào tạo chuyển đổi số – chuyển đổi kép; học liệu tài liệu, các khóa đào tạo triển khai; bộ công cụ, lộ trình mẫu cho doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và báo cáo tổng hợp kết quả.
68	7	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương	Quý III/2026	Các DN xuất nhập khẩu được tiếp cận với các công cụ kê khai	Hệ thống được đưa vào hoạt động
69	8	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Các tổ chức, doanh nghiệp	Quý IV/2026	Các DN xuất nhập khẩu được tiếp cận với các công cụ kê khai, giảm thời gian làm dữ liệu C/O; Cơ quan hải quan tiết kiệm được thời gian giải quyết thủ tục Hành chính	DN sử dụng hiệu quả phần mềm vào hoạt động, có thể triển khai ứng dụng đại trà 2027-2028 và là sản phẩm thiết yếu phục vụ chuyển đổi số cho ngành hải quan

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
	VII	Phát triển xã hội số bền vững					
70	1	Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ Tổ Chuyển đổi số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, UBND cấp xã, Doanh nghiệp công nghệ số cung cấp các dịch vụ	Quý IV/2026	Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cho Tổ Chuyển đổi số cộng đồng	Nghị quyết của HĐND Thành phố
71	2	Phổ cập kỹ năng cho người dân về công nghệ thông tin và truyền thông số trên môi trường điện tử thông qua phương thức truyền thông đa nền tảng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các trường, doanh nghiệp trên địa bàn	Nhiệm vụ thường xuyên	Tối thiểu 80% người dân được đào tạo, phổ cập kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông số trên môi trường điện tử thông qua phương thức truyền thông đa nền tảng.	Các lớp đào tạo. Báo cáo kết quả thực hiện.
72	3	Triển khai mô hình Cộng đồng số tại tổ dân phố, thôn, chi bộ, chi hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (nền tảng iHanoi)	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Tất cả tổ dân phố số sẽ được sử dụng trên phần mềm chính thống của Hà Nội, có thể hỗ trợ định danh tổ chức, cá nhân, thực hiện các tính năng như thông báo, bầu cử, biểu quyết, xin ý kiến trực tiếp trên hệ thống.	Tổ dân phố thực hiện hình thành và vận hành mô hình “Cộng đồng số chính thống” trên iHanoi.
	VIII	Truyền thông về chuyển đổi số					
73	1	Truyền thông về chuyển đổi số, góp phần thay đổi phương thức làm việc trong các cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND Thành phố; Sở Nội vụ;	Quý IV/2026	Tài liệu truyền thông nội bộ; hướng dẫn giảm họp, giảm văn bản	Tài liệu truyền thông nội bộ; hướng dẫn giảm họp, giảm văn bản

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
74	2	Truyền thông, phổ biến kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp Thủ đô	Sở Khoa học và Công nghệ	Thành đoàn; Hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa; UBND cấp xã	Quý IV/2026	Chuỗi nội dung truyền thông về kỹ năng số, an toàn số	Chuỗi nội dung truyền thông về kỹ năng số, an toàn số
75	3	Xây dựng và vận hành các kênh truyền thông số chính thức về chuyển đổi số thành phố Hà Nội (Sản xuất và đăng tải các sản phẩm video đa dạng thể loại, đa dạng thời lượng. Nội dung video tuyên truyền chủ trương, chính sách về chuyển đổi số, khoa học công nghệ, chính quyền số cho các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn Hà Nội; Truyền thông để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về lợi ích, cơ hội và yêu cầu của chuyển đổi số giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cộng đồng...); Thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách, quảng bá rộng rãi kết quả chuyển đổi số của thành phố Hà Nội đến người dân cả nước, chọn lọc ít nhất 60%-70% các sản phẩm truyền thông đã sản xuất, đăng tải lên 2-3 kênh Youtube của Báo, Đài uy tín, có lượng người xem lên đến hàng tỷ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND Thành phố, các Sở, ngành; UBND cấp xã; Đơn vị quản lý Kênh	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập và vận hành tối thiểu 05 kênh truyền thông số chính thức; sản xuất 120-150 sản phẩm nội dung số/năm; đạt 1-2 triệu lượt tiếp cận/năm 2026, 150.000-200.000 lượt theo dõi; 100% sở, ngành, xã, phường được truyền thông; - Tuyên truyền chủ trương, chính sách về chuyển đổi số, khoa học công nghệ, chính quyền số cho các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn Hà Nội; 60%-70% số sản phẩm video sản xuất sản phẩm về chuyển đổi số Hà Nội được đăng tải rộng rãi để người xem cả nước biết đến, chọn 2-3 kênh có lượng người xem lớn có thể quảng bá mạnh mẽ, có thể gắn link sản phẩm nội dung từ trang chính Chuyển đổi số Hà Nội để thu hút thêm lượt người biết đến các Kênh, trang Chuyển đổi số Hà Nội 	Hệ thống kênh truyền thông số hoạt động thường xuyên (Cổng thông tin CDS, Fanpage chính thức, Zalo OA, YouTube, TikTok (ngắn - dễ hiểu - hướng dẫn thao tác))

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
	view và ít nhất có 1,5 triệu Sub...						
76	4	Chiến dịch truyền thông cho ngày chuyển đổi số Quốc gia 10-10 (sản phẩm banner truyền thông xe buýt, TVC truyền thông màn hình Led)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các trường, doanh nghiệp trên địa bàn	Quý IV/2026	Truyền thông trên 20 màn hình LED, Tối thiểu 30 tuyến xe buýt.	Các sản phẩm, loại hình truyền thông ngoài trời hiệu quả, cổ động chính quyền, người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia và thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số
77	5	Triển lãm kinh tế số và doanh nghiệp số Thủ đô: giới thiệu các mô hình kinh tế số, gian hàng số, các nền tảng thương mại điện tử, dịch vụ số cho Doanh nghiệp như thanh toán số, chữ ký số, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, cấp chứng nhận chất lượng, chứng chỉ ISO, truyền thông marketing số, số hóa và quản trị dữ liệu sản xuất kinh doanh, các đơn vị cung cấp phần mềm quản lý dự án, quản lý tài sản, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, pháp lý, an toàn vệ sinh lao động....	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các trường, doanh nghiệp trên địa bàn	Quý III/2026	Quy mô 60 gian hàng sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế số, dịch vụ pháp lý, tài chính, truyền thông marketing; thời gian thực hiện 2-3 ngày; 5000-7000 lượt người tiếp cận sự kiện; hàng trăm doanh nghiệp, thương nhân tiếp cận dịch vụ kinh tế số	Trở thành sự kiện thường niên tôn vinh, kích cầu doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào kinh tế số, kích cầu và hỗ trợ kinh tế số cho tiểu thương, thương nhân, doanh nghiệp siêu nhỏ.
78	6	Truyền thông về chuyển đổi số gắn với đánh giá, thi đua và trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND Thành phố, Sở Nội vụ	Quý IV/2026	Tiêu chí truyền thông – sử dụng nền tảng số gắn thi đua	Tiêu chí truyền thông – sử dụng nền tảng số gắn thi đua

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
79	7	Truyền thông, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa và Thể thao, Hiệp hội doanh nghiệp; Cơ quan báo chí	Quý IV/2026	Chuỗi nội dung truyền thông – tập huấn CDS cho DN	Chuỗi nội dung truyền thông – tập huấn CDS cho DN
80	8	Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.	Sở Văn hóa và Thể thao	Văn phòng UBND Thành phố, Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội, các cơ quan báo chí	Thường xuyên	Lan tỏa nhận thức về chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp	Báo cáo
81	9	Truyền thông, thông tin, cảnh báo trên iHanoi	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Nâng cao mức độ nhận diện và sử dụng iHanoi. Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, định hướng dư luận. Tăng tương tác giữa chính quyền và người dân. Thiết lập cơ chế cảnh báo nhanh trong tình huống khẩn cấp.	Kế hoạch truyền thông tổng thể theo năm/quý. Bộ nhận diện truyền thông iHanoi. Sản phẩm nội dung đa phương tiện (bài viết, video, đồ họa...). Hệ thống cảnh báo khẩn cấp trên nền tảng. Báo cáo KPI truyền thông và hồ sơ nghiệm thu.
IX		Bảo đảm an toàn thông tin					
82	1	Phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an Thành phố	Thường xuyên	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện

Stt		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
83	2	Nâng cấp, bổ sung, duy trì các thiết bị bảo mật nhằm bảo đảm an toàn thông tin.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an Thành phố	Thường xuyên	Bảo đảm an toàn thông tin	Bảo đảm an toàn thông tin
	X	Triển khai Luật Chuyển đổi số					
84	1	Tuyên truyền phổ biến Luật chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố qua các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa và Thể thao	Quý II/2026	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số	Các chuyên mục, chương trình, tin, bài viết trên phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng số Thành phố.
85	2	Tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cấp quốc gia liên quan đến chuyển đổi số; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng các nhiệm vụ giải pháp mới (nếu cần thiết) để phù hợp với quy định của Luật	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên	Rà soát, báo cáo	Báo cáo
86	3	Tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai các hoạt động chuyển đổi số quy định tại Điều 4 của Luật; triển khai các chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số quy định tại Điều 9 của Luật	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định	Chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
87	4	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy định của Luật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành,	Tháng 5/2026	Rà soát, báo cáo	Báo cáo
XI Triển khai Kế hoạch số 29-KH/TU ngày 09/01/2026; Công văn số 354-CV/TU ngày 10/02/2026 của Thành ủy Hà Nội							
88	1	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của Thành phố	Văn phòng UBND Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Quý II/2026	IOC đi vào hoạt động	IOC đi vào hoạt động
89	2	Rà soát nâng cấp hoặc sử dụng Trung tâm dữ liệu dùng chung của Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Phương án	Phương án
90	3	Rà soát, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối của các xã/phường bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Các đơn vị liên quan	15/6/2026	- Thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và các quy định, hướng dẫn có liên quan - $\geq 95\%$ uptime đường truyền cấp tỉnh	Trang thiết bị đầu cuối được nâng cấp

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra	
91	4	Chủ động bố trí kinh phí đầu tư trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát và từng bước thực hiện tại cấp xã	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan	30/6/2026	- Theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng - $\geq 95\%$ xã/phường có Internet kiểm soát	Văn bản bố trí kinh phí
92	5	Chủ động, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư, hoàn chỉnh hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp cơ sở	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan	30/6/2026	- Trang bị MCU theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng - $\geq 95\%$ phiên họp trực tuyến ổn định	Văn bản bố trí kinh phí
93	6	Chủ động, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư, mua sắm (theo yêu cầu thực tế) các thiết bị đầu cuối phù hợp (bao gồm cả máy tính bảng), ...	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan	30/6/2026	Tạo lập môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp cho cán bộ, đảng viên - Hoàn thành mua sắm đúng hạn 30/6/2026 - $\geq 80\%$ cán bộ sử dụng thường xuyên	Văn bản bố trí kinh phí
94	7	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, các doanh nghiệp viễn thông thống nhất các giải pháp, phương án kỹ thuật để bảo đảm xóa được tối đa 80% thôn bản đang ở trong tình trạng “lỗ sóng”, thiếu điện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, các doanh nghiệp viễn thông	30/9/2026	- Có giải pháp, phương án kỹ thuật - $\geq 80\%$ thôn bản lỗ sóng được khắc phục - $\geq 70\%$ khu vực được bảo đảm điện ổn định	- Có giải pháp, phương án kỹ thuật - $\geq 80\%$ thôn bản lỗ sóng được khắc phục - $\geq 70\%$ khu vực được bảo đảm điện ổn định